



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

**SIKOM PHOMMALAYLOUN**

**PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN  
TỈNH SEKONG NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ  
NHÂN DÂN LÀO**

**TÓM TẮT ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ**

**KINH TẾ PHÁT TRIỂN**

**Mã số: 831 01 05**

**Đà Nẵng - Năm 2024**

Công trình được hoàn thành tại  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐHQĐHN

Người hướng dẫn khoa học: TS. Lê Bảo

Phản biện 1: TS. Ninh Thị Thu Thủy

Phản biện 2: GS.TS. Nguyễn Quang Thuấn

Đề án được bảo vệ trước Hội đồng chấm Đề án tốt nghiệp Thạc sĩ kinh tế phát triển hợp tại trường Đại học kinh tế, Đại học Đà Nẵng vào ngày 04 tháng 01 năm 2025.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng.
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính thiết cấp của đề án

SêKong là một tỉnh của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào có diện tích 7.665 km<sup>2</sup> có dân số: 113.048 người. Là tỉnh nằm ở đông nam của Lào, giáp với các tỉnh Quảng Nam và Thừa Thiên - Huế của Việt Nam ở phía Đông, tỉnh Chapasack ở phía tây, tỉnh Attapeu ở phía nam. SêKong được thành lập năm 1983, khi tỉnh này được tách ra khỏi tỉnh Saravane và nhận thêm Tỉnh Tha Teng từ Champasack. Đây là tỉnh có dân số ít nhất Lào và cũng có mật độ dân số thấp nhất. Đây còn là tỉnh nghèo nhất Lào, đồng thời là một trong số ít tỉnh ở miền núi có tiềm năng để phát triển nền kinh tế đa dạng với thế mạnh về nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ. Nhưng hiện nay nông nghiệp ở tỉnh SêKong lại phát triển chậm hơn so với một số tỉnh thành trong cả nước, mặc dù có tiềm năng vượt trội. Việc sử dụng nguồn tài nguyên vốn có trong nông nghiệp như đất đai, rừng đặc dụng, nguồn nước ở tỉnh SêKong còn nhiều bất cập, kém bền vững nổi bật là những vấn đề cụ thể như: Diện tích đất sản xuất hàng hoá còn nhiều, tình trạng độc canh cây lúa còn phổ biến, cây công nghiệp ngăn ngày, cây màu đã được trồng thí điểm, nhưng chưa phát triển. Tình trạng thiếu nước cho sản xuất và sinh hoạt vẫn diễn ra ở nhiều nơi trong tỉnh. Đời sống nhân dân vùng nông thôn còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn cao, đời sống văn hoá tinh thần, cơ sở y tế giáo dục còn hết sức thấp kém. Sản xuất nông nghiệp của tỉnh SêKong vẫn chưa thoát khỏi tình trạng manh mún, nhỏ lẻ, năng suất cây trồng, vật nuôi và năng suất lao động chưa cao. Mặt khác

diện tích đất nông nghiệp đang giảm dần nhường chỗ cho phát triển các khu, cụm công nghiệp và phát triển vào các mục đích phi nông nghiệp khác dẫn đến nông sản hàng hóa đáp ứng cho nhu cầu của xã hội và nhân dân trong tỉnh đang đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết. Việc rà soát, điều chỉnh lại quỹ đất đai để bố trí sản xuất nông nghiệp để phát triển nông nghiệp toàn diện, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với công nghiệp chế biến cần được chú trọng phát triển. Việc áp dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp còn chậm, nhất là công nghệ sau thu hoạch. Vệ sinh thực phẩm chưa được đảm bảo, môi trường ngày càng bị ô nhiễm, phế thải sinh hoạt và sản xuất chưa được xử lý tốt...

Trước tình hình đó, cần có xây dựng đề án với các giải pháp khả thi khắc phục những khó khăn trên để đẩy mạnh nông nghiệp phát triển đạt hiệu quả ngày càng cao và bền vững, nâng cao năng suất lao động nông nghiệp, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tăng việc làm và nâng cao mức sống của nông dân. Xuất phát từ những lý do trên, tôi lựa chọn nghiên cứu đề án “*Phát triển nông nghiệp trên địa bàn Tỉnh SêKong nước Cộng Hoà Dân Chủ Nhân Dân Lào*” làm đề án tốt nghiệp thạc sỹ.

## **2. Mục tiêu của đề án**

+ Hệ thống các vấn đề lý luận và căn cứ pháp lý của đề án về phát triển nông nghiệp.

+ Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển nông nghiệp của Tỉnh SêKong, nước CHDCND Lào trong giai đoạn 2019-2023 .

+ Nghiên cứu đề xuất các giải pháp chủ yếu để của đề án phát triển nông nghiệp của Tỉnh SêKong, nước CHDCND Lào.

+ Tổ chức thực hiện các giải pháp các giải pháp của đề án phát triển nông nghiệp của Tỉnh SêKong trong thời gian tới

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:**

#### **3.1 . Đối tượng nghiên cứu:**

Đối tượng nghiên cứu là những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến phát triển nông nghiệp Tỉnh SêKong,

#### **3.2 .Phạm vi nghiên cứu:**

- Về nội dung: Đề án chỉ tập trung nghiên cứu những vấn đề liên quan đến phát triển nông nghiệp Tỉnh SêKong, CHDCND Lào.

- Về không gian: Trên địa bàn Tỉnh SêKong, CHDCND Lào.

- Về thời gian: Đánh giá thực trạng phát triển nông nghiệp Tỉnh SêKong giai đoạn 5 năm 2019-2023. Các giải pháp và tổ chức thực hiện đến năm 2030

### **4. Phương pháp nghiên cứu:**

#### **4.1. Phương pháp thu thập dữ liệu**

Đề án thu thập số liệu thứ cấp. Dữ liệu được thu thập từ các nguồn sau:

- Các giáo trình, bài giảng, sách tham khảo liên quan đến đề tài.
- Các nghiên cứu có liên quan trực tiếp tới đề án.
- Các văn bản pháp lý của nước Lào và các cơ quan quản lý liên quan tới công tác phát triển nông nghiệp
- Các báo cáo, nghiên cứu, đánh giá về nông nghiệp tỉnh Sekong

- Các báo cáo tổng kết tình hình phát triển nông nghiệp, Tài liệu nội bộ của các cơ quan, của các sở ban ngành tỉnh SêKong, các đơn vị quản lý nhà nước về phát triển nông nghiệp tại tỉnh Sekong
- Niên giám thông kê tỉnh SêKong năm 2019, 2020, 2021, 2022, 2023

#### **4.2. Phương pháp phân tích**

Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu trên đề án sử dụng phương pháp phân tích như sau:

+ Phương pháp tổng hợp để hệ thống hóa các tài liệu trong việc phân tích sự phát triển nông nghiệp.

+ Phương pháp phân tích so sánh, đánh giá: Nghiên cứu sử dụng các số liệu thống kê thu thập được để thực hiện so sánh, đối chiếu và phân tích; tiến hành lập bảng biểu, vẽ các đồ thị, biểu đồ để dễ dàng so sánh và đánh giá nội dung nghiên cứu. Phương pháp được sử dụng xuyên suốt nhằm làm rõ sự phát triển nông nghiệp tỉnh SêKong nước cộng hòa dân chủ nhân dân Lào

+ Phương pháp phân tích thống kê: phân tích các bảng số liệu thống kê, các nội dung để làm rõ sự phát triển nông nghiệp tỉnh SêKong nước cộng hòa dân chủ nhân dân Lào

#### **5. Ý nghĩa thực tiễn của đề án**

Kết quả nghiên cứu của đề án cung cấp cho lãnh đạo tỉnh SêKong nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và các cơ quan, đơn vị chức năng nhận diện được cơ sở lý luận và căn cứ pháp lý về phát triển nông nghiệp cũng như thực trạng phát triển nông nghiệp tại tỉnh SêKong. Các giải pháp đề xuất và kế hoạch tổ chức thực hiện là cơ

sở cho các cơ quan, đơn vị chức năng triển khai thực hiện nhằm phát triển nông nghiệp trên địa bàn tỉnh SêKong trong thời gian tới.

## **6. Kết cấu của đề án**

Ngoài phần mở đầu, phụ lục, danh mục các bảng biểu, đồ thị, các chữ viết tắt và danh mục tài liệu tham khảo, bố cục đề án gồm 4 chương:

Chương 1. Cơ sở lý luận và các căn cứ pháp lý phát triển nông nghiệp.

Chương 2. Thực trạng phát triển nông nghiệp của Tỉnh SêKong, CHDCND Lào.

Chương 3. Giải pháp phát triển nông nghiệp của Tỉnh SêKong, CHDCND Lào.

Chương 4. Tổ chức thực hiện giải pháp của đề án phát triển nông nghiệp của Tỉnh SêKong, CHDCND Lào.

## **CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP**

### **1.1. Khái quát về phát triển nông nghiệp**

#### ***1.1.1. Một số khái niệm***

***a. Nông nghiệp***

***b. Phát triển nông nghiệp***

#### ***1.1.2. Đặc điểm của sản xuất nông nghiệp***

***a. Đặc điểm chung của sản xuất nông nghiệp***

***b. Đặc điểm riêng của nông nghiệp Lào***

- Nông nghiệp Lào đang còn là một nền nông nghiệp đang phát triển.

- Nền nông nghiệp Lào là nền nông nghiệp nhiệt đới

Tuy nhiên đặc điểm này cũng đem lại cho nông nghiệp Lào những khó khăn không nhỏ, đó là thường xuyên bị sâu bệnh phá hoại. Ngoài ra, bình quân đất nông nghiệp trên một đầu người của Lào tương đối lớn nhưng lại phân tán manh mún cũng là một khó khăn đáng kể. Vì vậy, trong quá trình phát triển nền nông nghiệp Lào theo hướng sản hiện đại, thì cần tìm cách phát huy cao độ những mặt thuận lợi và hạn chế đến mức tối đa những mặt khó khăn của nó, bảo đảm cho nông nghiệp có sự phát triển nhanh và vững chắc.

### ***1.1.3. Ý nghĩa của phát triển nông nghiệp***

- a. Phát triển nông nghiệp có ý nghĩa rất lớn đó là góp về thị trường
- b. Phát triển nông nghiệp góp phần tăng trưởng nền kinh tế ổn định
- c. Phát triển nông nghiệp góp phần xóa đói, giảm nghèo và bảo đảm an ninh lương thực
- d. Phát triển nông nghiệp góp phần phát triển nông thôn

## **1.2. Nội dung phát triển nông nghiệp**

### ***1.2.1. Gia tăng số lượng các cơ sở sản xuất nông nghiệp***

Gia tăng số lượng các cơ sở sản xuất nông nghiệp nghĩa là tăng số lượng và quy mô của hộ gia đình, các cá thể kinh doanh trang trại, tổ hợp tác, các hợp tác xã nông nghiệp, doanh nghiệp kinh doanh nông nghiệp... nói các khác là làm tăng số lượng tuyệt đối các cơ sở sản xuất nông nghiệp; nhân rộng số lượng các cơ sở hiện tại; làm cho các cơ sở SXNN phát triển lan tỏa sang những khu vực khác có thể thông qua đó mà phát triển thêm số cơ sở:



Tiêu chí đánh giá về gia tăng các cơ sở sản xuất nông nghiệp

- Số lượng các cơ sở sản xuất qua các năm ( tổng số từng loại ).
- Tốc độ tăng và mức tăng và mức tăng của các cơ sở sản xuất.

### ***1.2.2. Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng hợp lý***

Cơ cấu sản xuất nông nghiệp là thành phần tỷ trọng và mối quan hệ giữa các ngành và tiểu ngành trong nội bộ ngành nông nghiệp. Cơ cấu sản xuất nông nghiệp hợp lý là cơ cấu giữa các ngành của nông nghiệp mà các thành phần của nó có tác dụng phát huy tốt các tiềm năng của sản xuất và đáp ứng yêu cầu thị trường, xã hội.

Các tiêu chí đánh giá chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp

+ Tỷ trọng sản xuất của các ngành, các bộ phận trong kinh tế nông nghiệp.

+ Tỷ trọng giá trị tăng thêm của các ngành, các bộ phận trong kinh tế nông nghiệp.

+ Tỷ lệ giá trị của sản xuất trồng trọt và các phân ngành trong nông nghiệp.

+ Tỷ lệ giá trị của sản xuất chăn nuôi trong nông nghiệp.

+ Tỷ lệ giá trị của sản xuất nông nghiệp trong kinh tế.

+ Cơ cấu ruộng đất phân bố cho các các ngành.

+ Cơ cấu vốn phân bố cho các các ngành.

+ Cơ cấu lao động phân bố cho các các ngành.

### ***1.2.3. Các hình thức liên kết kinh tế tiền bộ trong nông nghiệp***

Liên kết ngang hay là liên kết theo chiều ngang là mối quan hệ giữa doanh nghiệp trong ngành với các doanh nghiệp của ngành khác có liên quan như cung cấp nguyên vật liệu, các sản phẩm, dịch

vụ hỗ trợ phát triển kinh doanh... Liên kết dọc sẽ giảm chi phí chuỗi giá trị, các nhân tố trong chuỗi liên kết với nhau được thực hiện thông qua hợp đồng bao nhiêu sản phẩm được bảo vệ luật pháp. Tất cả thông tin thị trường đều được các tác nhân biết được để sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường. Các hình thức liên kết dọc trong nông nghiệp gồm sản xuất theo hợp đồng, mô hình tập trung, mô hình trang trại hạt nhân, mô hình đa chủ thể, mô hình phi chính thức, mô hình trung gian, bao tiêu sản phẩm...

Tiêu chí đánh giá liên kết kinh tế gồm có:

+ Liên kết đảm bảo tôn trọng tính độc lập của các hộ SXNN đối với sở hữu tư liệu sản xuất và sản phẩm sản xuất ra.

+ Liên kết phải bền vững và đảm bảo phân chia lợi ích phù hợp giữa các đối tác, đặc biệt đối với nông hộ.

+ Liên kết phải tăng khả năng cạnh tranh của nông sản sản xuất ra như chi phí, mẫu mã an toàn thực phẩm.

+ Liên kết đảm bảo nông sản đáp ứng được nhu cầu của thị trường.

#### ***1.2.4. Gia tăng các yếu tố nguồn lực***

Các nguồn lực trong nông nghiệp gồm lao động, đất đai, vốn khoa học và công nghệ, cơ sở vật chất kỹ thuật... Quy mô về số lượng và chất lượng các nguồn lực được huy động có tính quyết định đến tốc độ tăng trưởng và phát triển nông nghiệp. Khi gia tăng quy mô các nguồn lực như vốn, lao động... Nông nghiệp sẽ tăng trưởng theo chiều rộng. Nếu đưa nông nghiệp tăng trưởng theo chiều sâu thì phải nâng cao chất lượng của việc sử dụng vốn và lao động.

Tiêu chí đánh giá gia tăng các yếu tố nguồn lực

- Diện tích đất và tình hình sử dụng đất
- Lao động và chất lượng lao động qua các năm
- Năng suất ruộng đất qua các năm
- Tổng số vốn đầu tư và mức đầu tư trên diện tích
- Gia tăng của cơ sở vật chất trong nông nghiệp

### ***1.2.5 Nông nghiệp có trình độ thâm canh cao***

Các tiêu chí để đánh giá trình độ thâm canh trong nông nghiệp:

- Mức đầu tư trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp và lao động nông nghiệp
- Diện tích đất trồng trọt được tưới, tiêu bằng hệ thống thủy lợi
- Số lượng máy kéo, máy gặt sử dụng trong SXNN.
- Năng suất cây trồng trọt, vật nuôi.
- Năng suất lao động xã hội của ngành nông nghiệp.
- Tỷ lệ tồn thất sau thu hoạch của mỗi loại sản phẩm.

### ***1.2.6. Gia tăng kết quả sản xuất nông nghiệp***

#### ***a. Kết quả sản xuất nông nghiệp***

Kết quả sản xuất nông nghiệp là những gì nông nghiệp đạt được sau một chu kỳ sản xuất nhất định được thể hiện bằng số lượng sản phẩm, giá trị sản phẩm, giá trị sản xuất của nông nghiệp. Khi nói đến kết quả sản xuất là nói đến loại sản phẩm, số lượng sản phẩm, sản phẩm hàng hóa, giá trị sản lượng, giá trị sản phẩm hàng hóa được sản xuất ra. Kết quả sản xuất nông nghiệp được thể hiện sự phối hợp

các nguồn lực, các yếu tố sản xuất. Nó thể hiện sự lớn mạnh tổng hợp về vốn, lao động, máy móc thiết bị, công nghệ ...

- Tiêu chí đánh giá kết quả sản xuất nông nghiệp:

+ Giá trị sản phẩm được sản xuất ra

+ Giá trị sản phẩm hàng hóa được sản xuất ra

+ Số lượng sản phẩm các loại được sản xuất ra

+ Số lượng sản phẩm hàng hóa được sản xuất ra

### **1.3. Căn cứ pháp lý của đề án**

#### **1.3.1. Các văn bản pháp lý của trung ương**

#### **1.3.2. Các văn bản pháp lý của địa phương**

## **CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TỈNH SÊKONG NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO**

### **2.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội của tỉnh SêKong.**

#### **2.1.1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên**

#### **2.1.2. Đặc điểm xã hội**

#### **2.1.3. Đặc điểm kinh tế**

### **2.2. Thực trạng phát triển nông nghiệp tỉnh SêKong**

#### **2.2.1. Số lượng cơ sở sản xuất nông nghiệp trong giai đoạn 2019-2023**

**a. Hợp tác xã:** Trong giai đoạn 2019 - 2023 số lượng HTX nông nghiệp toàn Tỉnh có xu hướng tăng. Năm 2019 có 10 HTX nông nghiệp, đến năm 2023 tăng lên và có 21 HTX nông nghiệp.

**b. Trang trại :** Số lượng trang trại gia tăng qua các năm. Năm 2019 địa bàn tỉnh SêKong có 20 trang trại đến nay năm 2023 trên địa bàn Tỉnh đã có 60 trang trại đang hoạt động, sản xuất, chủ yếu tập

trung ở các vùng cánh Tây như: Đắc Vang, Ta Tu, Xe Ka Man , và vùng cánh Nam như: Xiêng Luồng, Đắc Đum. Các trang trại này đầu tư theo mô hình chăn nuôi bò, heo, dê, gà, và trồng cà phê, sâm, cây hằng năm, cây lâu năm, cây công nghiệp, rau các loại...

**c. Kinh tế nông hộ:** Mô hình kinh tế nông hộ gia tăng qua các năm từ 27600 nông hộ năm 2019 lên đến 39240 nông hộ năm 2023, chiếm tỷ lệ lớn nhất trong các mô hình cơ sở SXNN của theo đó hộ nông dân là chủ thể chính của SXNN trên địa bàn Tỉnh .

**d. Doanh nghiệp nông nghiệp:** Số lượng doanh nghiệp nông nghiệp năm 2019 có 48 doanh nghiệp, đến năm 2023 có 91 doanh nghiệp nông nghiệp. Số lượng còn khá khiêm tốn so với tiềm năng của Tỉnh. Điều này xuất phát từ tâm lý cho rằng đầu tư vào nông nghiệp không mang lại hiệu quả cao, chứa đựng nhiều rủi ro, phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên, các nguy cơ về dịch bệnh,...

### **2.2.2. Chuyển dịch cơ cấu trong sản xuất nông nghiệp**

**a. Chuyển dịch cơ cấu trong ngành nông – lâm – thủy sản :**  
Cơ cấu GTSX nông nghiệp thời gian 2019-2023 theo hướng tăng tỷ trọng ngành nông nghiệp (trồng trọt và chăn nuôi), giảm tỷ trọng ngành thủy sản, đối với ngành lâm nghiệp tỷ trọng biến động nhưng không đáng kể. Năm 2019 cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp chiếm tỷ trọng 90,8%, trồng trọt 61,1% chăn nuôi 29,7%, lâm nghiệp 7,9%, và thủy sản 1,3%; đến năm 2023 nông nghiệp chiếm tỷ trọng 92,0%, trồng trọt 65,4% chăn nuôi 26,6%, lâm nghiệp 6,1%, và thủy sản 1,9%.

**b. Chuyển dịch cơ cấu trong ngành trồng trọt :** Đối với nội bộ ngành trồng trọt, cơ cấu GTSX cây lương thực có nhiều biến động và đang có xu hướng giảm dần, cơ cấu giá trị cây công nghiệp hàng năm cũng có xu hướng giảm, trong khi đó cơ cấu GTSX cây rau đậu đang có chiều hướng gia tăng. Năm 2019, cơ cấu GTSX cây lương thực chiếm tỷ trọng 15,8% giảm xuống còn 15,6% năm 2023. Năm 2019 cây công nghiệp hàng năm từ 3,0% tăng lên 3,6. Cây công nghiệp lâu năm chiếm tỷ 36,5% năm 2019 tăng lên 43,7 năm 2023. Năm 2023, tỷ trọng cây rau, đậu thực phẩm, gia vị 13,3% cây hàng năm khác chiếm 13,1 cây ăn quả 5,5% và các loại cây khác 5,2%.g

**c. Chuyển dịch cơ cấu trong ngành chăn nuôi:** Đối với nội bộ ngành chăn nuôi, đã có sự dịch chuyển giữa gia súc và gia cầm; cơ cấu GTSX ngành gia súc đã tăng từ 28,2% năm 2019 giảm 24,2% vào năm 2023; ngược lại, gia cầm đã tăng từ 71,6% năm 2019 tăng lên 74,9% vào năm 2023; dịch vụ sản phẩm phụ chăn nuôi cũng tăng đáng kể. Tuy nhiên, nhìn chung cơ cấu GTSX ngành chăn nuôi của Tỉnh có sự thay đổi nhưng không đáng kể.

### **2.2.3. Quy mô các nguồn lực trong nông nghiệp**

**a. Đất đai:** Năm 2023 tổng diện tích đất SXNN là 43.090.000 ha chiếm 55,6% tổng diện tích đất tự nhiên của Tỉnh ; đất phi nông nghiệp là 11.624.820 ha chiếm 15%; đất chưa sử dụng là 22.785.000 ha chiếm 29,4%. Cơ cấu sử dụng đất của tỉnh SêKong trong năm 2023 chủ yếu là đất SXNN.

**b. Lao động:** Lao động của Tỉnh phần lớn làm việc trong nông nghiệp. Năm 2019 tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực

nông nghiệp chiếm 63,6%; tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 19,2%; lao động làm việc trong ngành dịch vụ chiếm 17,2%. Năm 2023 tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông nghiệp chiếm 63,0%; tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 7,6%; lao động làm việc trong ngành dịch vụ chiếm 29,4%

**c. Vốn đầu tư:** Năm 2019 vốn đầu tư cho nông nghiệp là 70070 triệu kíp chiếm 22,0% so với tổng số vốn đầu tư xây dựng trên địa bàn của Tỉnh. Năm 2023 vốn đầu tư cho nông nghiệp là 237984 triệu kíp chiếm 23,9% so với tổng số vốn đầu tư xây dựng trên địa bàn của Tỉnh. Vốn đầu tư này chủ yếu là xây dựng trồng các cây: Cây cà phê, cây sâm, lạc, đậu các loại, rau các loại...

**d. Công nghệ sản xuất nông nghiệp:** Trong thực tế nhiều nông dân đã nói rằng vốn thiếu họ có thể khắc phục được nhưng khó khăn về công nghệ kỹ thuật sản xuất và quản lý thì họ trông chờ vào sự giúp đỡ của chính quyền.

#### **2.2.4. Thực trạng thâm canh trong sản xuất nông nghiệp**

Nhờ áp dụng những biện pháp thâm canh mà năng suất một số cây trồng tại tỉnh SêKongtăng lên. Tuy nhiên so với mức bình quân toàn tỉnh vẫn còn khá khiêm tốn. Vấn đề về thâm canh trong nông nghiệp của Tỉnh tỉnh SêKong đã có những bước chuyển biến tích cực, rất đáng khích lệ.

#### **2.2.5. Tình hình liên kết trong nông nghiệp**

- Kinh tế hộ, chưa liên kết giữa các nông hộ với nhau để hình thành các tổ hợp tác, tăng năng lực sản xuất. Các nông sản do nông

hộ sản xuất đã có doanh nghiệp thu mua nhưng chưa cam kết bao tiêu ổn định theo hợp đồng nên đầu ra thiếu ổn định. Kinh tế trang trại vẫn còn hạn chế, chưa có sự liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp cũng như các hộ nông dân trong quá trình sản xuất nông sản hàng hóa. Tổ hợp tác, cơ sở HTX trong NN rất ít nên không có sự hỗ trợ liên kết với nông dân mở rộng sản xuất nông sản cũng như chưa mang lại hiệu quả cao. HTX dịch vụ nông nghiệp chủ yếu trong sản xuất cho nông dân như: Tưới, tiêu nước, cung ứng thuốc bảo vệ thực vật, thú y, khuyến nông.

### **2.2.6. Kết quả sản xuất nông nghiệp trong giai đoạn 2019- 2023**

#### **a. Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp giai đoạn 2019-2023**

Năm 2019 tổng GTSX nông nghiệp là 4055.5 triệu kíp tăng lên 6827.6 triệu kíp vào năm 2023. Tốc độ tăng trưởng bình quân GTSX NN giai đoạn 2019-2023 đạt 13,9 %. Trong đó GTSX ngành trồng trọt năm 2019 đạt 1197,4 tỷ kíp, năm 2023 tăng lên và đạt 2067,4 tỷ kíp. Tốc độ tăng trưởng bình quân GTSX ngành trồng trọt giai đoạn 2019-2023 đạt 14,6 %.

#### **b. Kết quả sản xuất ngành trồng trọt trong giai đoạn 2019-2023**

+ Cây lúa: Trong năm 2019 tổng diện tích gieo trồng lúa của Tỉnh là 24880 ha; năng suất 30,9 tạ/ha; sản lượng là 768.8 tấn; đến năm 2023 tổng diện tích gieo trồng lúa của Tỉnh tăng 27968 ha; năng suất tăng lên đến 39.1 tạ/ha, sản lượng tăng lên đến 1093.5 tấn.



+ Cây ngô: Diện tích là 4380 ha; năng suất 40.1 tạ/ha; và có sản lượng 175.6 tấn vào năm 2019 đến 5004 ha; năng suất 49.0 tạ/ha và sản lượng 245.2 tấn vào năm 2023.

+ Cây có bột: Diện tích là 19632 và có sản lượng 1251.6 tấn vào năm 2019 đến 20360 ha và sản lượng 1540.6 tấn vào năm 2023.

+ Cây thực phẩm: diện tích canh tác, năng suất của cây rau, đậu các loại đang có xu hướng tăng dần. Diện tích là 19740 và có sản lượng 1057.8 tấn vào năm 2019 đến 20008 ha và sản lượng 1325.5 tấn vào năm 2023.

+ Cây công nghiệp: diện tích canh tác, năng suất của cây công nghiệp các loại như cà phê, lạc, chuối đang có xu hướng tăng nhanh. Diện tích canh tác của cây công nghiệp các loại là 36928 và có sản lượng 2086.2 tấn vào năm 2019 đến 77200 ha và sản lượng 4393.8 tấn vào năm 2023.

### ***c. Kết quả sản xuất ngành chăn nuôi trong giai đoạn 2019-2023***

Quy mô gia súc và gia cầm trong thời gian 2019-2023 phát triển theo chiều hướng tăng. Tuy nhiên tốc độ tăng tương đối chậm. Nguyên nhân chủ yếu là trong thời gian 2019-2023, ảnh hưởng của dịch bệnh và giá thức ăn chăn và giá con giống cao, giá sản phẩm thấp, người chăn nuôi không có lãi nên tốc độ ngành chăn nuôi vẫn còn chưa phát huy được hết tiềm năng.

### ***d. Kết quả sản xuất ngành lâm nghiệp trong giai đoạn 2019-2023***

Năm 2019 công tác trồng và bảo vệ Rừng đạt 290344 ha, đến

năm 2023 công tác trồng và bảo vệ Rừng đạt 334395 ha. Tốc độ tăng trưởng diện tích trồng và bảo vệ Rừng giai đoạn 2019-2023 là 3,6%. Riêng công tác trồng Rừng: Năm 2019 công tác trồng Rừng đạt 82588.0 ha, đến năm 2023 công tác trồng Rừng đạt 100386.2 ha. Tốc độ tăng trưởng diện tích trồng Rừng giai đoạn 2019-2023 là 5.0%. Khai thác lâm sản: Sản lượng khai thác đạt khá cao, đáp ứng nhu cầu cung ứng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. Năm 2019 công tác khai thác gỗ đạt 27787.6 M<sup>3</sup> đến năm 2023 công tác khai thác gỗ đạt 39224.5 M<sup>3</sup>. Tốc độ tăng trưởng sản lượng khai thác gỗ giai đoạn 2019-2023 là 9.0%.

***e. Kết quả sản xuất ngành thủy sản trong giai đoạn 2019-2023***

Trong giai đoạn 2019 – 2023 Tổng giá trị sản xuất ngành Thủy sản tương đối thấp so với tiềm năng, tuy nhiên Tổng giá trị sản xuất ngành Thủy sản có xu hướng tăng trưởng mạnh. Năm 2019 Tổng giá trị sản xuất ngành Thủy sản đạt 18,4 tỷ kíp, đến năm 2023 Tổng giá trị sản xuất ngành Thủy sản đạt 24,6 tỷ kíp. Tốc độ tăng trưởng

**2.3. Đánh giá chung thực trạng phát triển nông nghiệp tỉnh SêKong nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào**

***2.3.1 Những kết quả đạt được***

***2.3.2. Những mặt hạn chế***

***2.3.3 Nguyên nhân của những mặt hạn chế***

## CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP CỦA ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TỈNH SÊKONG NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

### 3.1. Cơ sở tiền đề cho việc xây dựng các giải pháp

*3.1.1. Quan điểm có tính định hướng khi xây dựng giải pháp*

*3.1.2. Mục tiêu phát triển nông nghiệp tỉnh SêKong đến năm 2030*

*3.1.3. Phương hướng phát triển nông nghiệp của tỉnh SêKong*

### 3.2. Các giải pháp phát triển nông nghiệp tỉnh SêKong trong thời gian tới

#### 3.2.1. *Đẩy mạnh phát triển các cơ sở sản xuất nông nghiệp*

##### *a. Củng cố và nâng cao năng lực kinh tế hộ gia đình:*

Khuyến khích nông hộ tăng tích lũy vốn, kinh nghiệm, tích tụ đất đai, phát triển sản xuất hàng hóa, phát triển kinh tế trang trại. Tận dụng thời gian nhàn rỗi tăng cường sản xuất để có đủ lương thực, xóa đói giảm nghèo... từng bước các nông hộ nhỏ liên kết lại tăng quy mô sản xuất, trao đổi kinh nghiệm, quản lý kinh tế hộ...

*b. Phát triển hợp tác xã:* Chân chính lại nhận thức về bản chất, mô hình HTX. Làm rõ lợi ích và lợi thế của HTX sẽ tạo động lực cho xã viên, cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp tự giác thành lập HTX.

*c. Phát triển kinh tế trang trại :* Thực hiện quy hoạch chi tiết sản xuất nông nghiệp đến từng thửa đất ở địa bàn các xã, thị trấn; xác định cụ thể vùng chuyên canh trồng rau, chăn nuôi, cây ăn quả, cây công nghiệp, rừng.

*d. Phát triển các doanh nghiệp nông nghiệp:* Trên cơ sở các

doanh nghiệp đang hoạt động cần khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nông nghiệp mở rộng quy mô sản xuất, phương hướng hoạt động để nâng cao hiệu quả kinh doanh. Thực hiện tốt các chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn.

### ***3.2.2. Tăng cường các nguồn lực trong nông nghiệp***

**a. Về đất đai :** Thực hiện đánh giá đất đai theo số lượng, chất lượng và các điều kiện gắn với đất đai làm cơ sở khoa học cho việc phân loại, bố trí quy hoạch sử dụng đất theo hướng khai thác lợi thế so sánh của từng vùng, từng địa phương

**b. Về lao động trong nông nghiệp:** Phân bổ lao động hợp lý giữa các vùng là biện pháp quan trọng để sử dụng đầy đủ và hợp lý nguồn nhân lực trong nông nghiệp. Thực hiện việc phân bổ lao động đòi hỏi phải kết hợp chặt chẽ lao động với các nguồn tài nguyên và tư liệu sản xuất sẵn có trong từng vùng khác nhau trên phạm vi toàn Tỉnh

**c. Về nguồn vốn trong nông nghiệp:** Tranh thủ nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ xây dựng các công trình thủy lợi và cấp nước sinh hoạt, mở rộng mạng lưới giao thông nông thôn, kết cấu hạ tầng xã hội khác... Từng bước nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Quản lý tốt, sử dụng hợp lý và có hiệu quả các nguồn vốn ngân sách, vốn các chương trình hợp tác, doanh nghiệp...

**d. Về áp dụng KHCN, tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp**

Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất phục vụ công tác

quản lý, xây dựng các trung tâm và lựa chọn hình thức chuyển giao tiến bộ khoa học – công nghệ thích hợp cho các hộ gia đình nông dân, cơ sở sản xuất nông nghiệp và các trang trại để áp dụng vào sản xuất nông lâm nghiệp, có nhiệm vụ cung cấp kiến thức về quy trình kỹ thuật trong trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản cho nông dân; mở các lớp tập huấn chuyển giao kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp; tập huấn đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ khuyến nông.

### ***3.2.3. Lựa chọn các mô hình liên kết hiệu quả***

Xây dựng các chương trình liên kết giữa các cơ sở SXNN, giữa nông hộ và doanh nghiệp để hình thành các mô hình liên kết hiệu quả. Phổ biến, hướng dẫn để người nông dân thực hiện tốt các khâu của quá trình liên kết những thuận lợi mà việc liên kết mang lại, các mô hình liên kết để thu được các nông sản đạt chuẩn.

### ***3.2.4. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp***

- Đối với ngành trồng trọt: Xây dựng và hình thành các vùng sản xuất hàng hóa chuyên canh, quy mô lớn. Triển khai thực hiện phương án chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên địa bàn tỉnh SêKong thời gian 2018 – 2022.

- Đối với ngành chăn nuôi: Phát triển chăn nuôi lợn ngoại, hướng nạc để nâng cao giá trị ngành chăn nuôi tại các xã có điều kiện chăn nuôi như: Đắc Vang, Xiêng Luông, Đắc Đùm, A Dùn, Ta Tu, Nậm Đê, Sông Xê Ka Man, Đắc Pra tổng đàn lợn đến năm 2022 đạt 132.410 con.

- Đối với ngành lâm nghiệp: Hiện tỉnh SêKong có 72.588,62 ha

đất rừng trồng sản xuất và chưa sản xuất của hộ dân. Đến năm 2022 có quy hoạch tiềm năng phát triển cây nguyên liệu cao su, cây công nghiệp tại Tỉnh . Đây là cơ hội để tỉnh SêKongchuyển dịch và gia tăng giá trị sản xuất của ngành lâm nghiệp trong thời gian đến.

- Đối với ngành thủy sản: Tận dụng tối đa diện tích mặt nước có khả năng tập trung hóa. Chỉ có chuyển dịch theo hướng thành lập các vùng chuyên canh thì mới có khả năng tập trung hóa trong sản xuất nông và đây cũng là tiền đề để phát triển nền nông nghiệp tỉnh SêKongtheo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa.

### ***3.2.5. Tăng cường thâm canh trong nông nghiệp***

Trong những năm tới Tỉnh cần tổ chức triển khai ứng dụng nhanh các thành tựu của khoa học và kỹ thuật vào sản xuất nông, lâm, thủy sản. Đẩy mạnh ứng dụng các giống cây trồng vật nuôi có năng suất cao, khả năng chịu bệnh tốt, phù hợp với điều kiện tự nhiên cũng như trình độ canh tác của nhân dân trên địa bàn nhằm không ngừng tăng năng suất, chất lượng sản phẩm cây trồng, vật nuôi nâng cao giá trị trên một đơn vị diện tích và cải thiện đời sống của người dân. Có chính sách ưu đãi để kêu các thành phần kinh tế tham gia đầu tư trang thiết bị công nghệ cao vào chế biến các mặt hàng nông lâm sản nhằm nâng cao giá trị nông lâm sản.

### ***3.2.6. Gia tăng kết quả sản xuất nông nghiệp***

Để gia tăng kết quả sản xuất nông nghiệp của Tỉnh , cần phải lựa chọn nông sản sản xuất đáp ứng phù hợp với đặc điểm về tự nhiên và kinh tế - xã hội của từng địa bàn xã, thị trấn và đáp ứng theo yêu cầu của thị trường.

## **CHƯƠNG 4: TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP CỦA TỈNH SÊKONG NƯỚC CHDCND LÀO**

### **4.1 Phân công thực hiện**

#### ***4.1.1. Cơ quan chỉ đạo thực hiện***

Ủy ban nhân dân Tỉnh SêKong là cơ quan trực tiếp chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc UBND Tỉnh, UBND các cấp thực hiện Đề án phát triển nông nghiệp của Tỉnh SêKong.

#### ***4.1.2. Cơ quan tổ chức thực hiện***

##### ***4.1.2.1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn***

Chủ trì, rà soát, tham mưu UBND Tỉnh trình HĐND Tỉnh điều chỉnh, bổ sung nội dung chính sách phát triển nông nghiệp theo hướng phù hợp với nội dung các chính sách phát triển nông nghiệp của Trung ương và điều kiện thực tế của Tỉnh

##### ***4.1.2.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:***

Chủ trì và phối hợp với các Sở tham mưu cho UBND Tỉnh thực hiện cải cách hành chính tạo môi trường thuận lợi cho SXNN góp phần cùng với các chính sách và biện pháp khác thúc đẩy nông nghiệp phát triển. Điều đó có nghĩa là cải cách hành chính phải đồng bộ với các chính sách và giải pháp khác như chính sách tài chính, chính sách đầu tư,...

##### ***4.1.2.3. Sở Công Thương:***

Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương đẩy mạnh các hoạt động khuyến nông, hỗ trợ phát triển sản xuất, xúc tiến thương mại cho sản phẩm nông

#### 4.1.2.4. Sở Tài chính:

Sở Tài chính cần tham mưu UBND Tỉnh ban hành Chính sách thuế phù hợp. Cần có chính sách thuế riêng phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương để từ đó nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp.

#### 4.1.2.5. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương hỗ trợ các tổ chức kinh tế đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong phát triển sản xuất nông nghiệp, hỗ trợ các địa phương, tổ chức kinh tế phát triển, đăng ký xác lập, bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến các sản phẩm nông nghiệp

#### 4.1.2.6. Sở Tài nguyên và môi trường:

Phối hợp với các Sở và các đơn vị liên quan tăng cường các nguồn lực trong nông nghiệp Trong đó chú trọng đến những chính sách về đất đai. Khuyến khích nông dân tích tụ ruộng đất để phát triển sản xuất nông nghiệp, nghiêm cấm việc đầu cơ ruộng đất, sử dụng ruộng đất kém hiệu quả.

#### 4.1.2.7. Sở Lao động Thương binh và xã hội:

- Phân bổ lao động hợp lý giữa các vùng là biện pháp quan trọng để sử dụng đầy đủ và hợp lý nguồn nhân lực trong nông nghiệp. Thực hiện việc phân bổ lao động đòi hỏi phải kết hợp chặt chẽ lao động với các nguồn tài nguyên và tư liệu sản xuất sẵn có trong từng vùng khác nhau trên phạm vi toàn Tỉnh , thực hiện chuyển đổi cơ cấu lao động nông thôn, mở thêm ngành nghề mới để thu hút lao động và giải quyết việc làm cũng như khai thác hiệu quả thời vụ nông nhàn.



#### *4.1.2.8. Sở Thông tin và truyền thông*

Chủ trì và phối hợp các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình tăng chuyên mục, thời lượng tuyên truyền về phát triển nông nghiệp, giới thiệu, quảng bá các sản phẩm nông nghiệp trên sàn thương mại điện tử để hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tăng cường chuyển đổi số trong Chương trình sản xuất nông nghiệp. Triển khai xây dựng Phần mềm quản lý dữ liệu sản phẩm nông nghiệp Tỉnh SêKong và thực hiện chuyển đổi số cho sản xuất nông nghiệp.

*4.1.2.9. Ủy ban nhân dân các Huyện:* Phân công cán bộ phòng Nông nghiệp phụ trách triển khai đề án cấp Huyện. Tham gia vào các hoạt động triển khai đề án cấp Huyện theo sự phân công của Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh. Ưu tiên bố trí nguồn kinh phí ngân sách cấp huyện để triển khai thực hiện đề án. Lồng ghép, huy động các nguồn lực thực hiện đề án trên địa bàn huyện có hiệu quả.

*4.1.2.10. Liên minh hợp tác xã Tỉnh:* Hỗ trợ, phát triển chủ thể sản xuất nông nghiệp là hợp tác xã, tổ hợp tác. Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn, hỗ trợ các hợp tác xã tham gia Chương trình sản xuất nông nghiệp. Thúc đẩy phong trào hợp tác xã khởi nghiệp gắn với phát triển nông nghiệp.

## **4.2. Lộ trình thực hiện Đề án**

### **4.2.1. Giai đoạn 1: 2025-2027**

### **4.2.2. Giai đoạn 2: 2027-2030**

**4.3. Kinh phí thực hiện:** Kinh phí thực hiện Đề án phát triển nông nghiệp tại tỉnh SêKong từ ngân sách nhà nước bao gồm chi

thường xuyên và chi đầu tư phát triển được cân đối hàng năm cho các ban, ngành, địa phương trên địa bàn Tỉnh SêKong; kinh phí tự cân đối và huy động hợp pháp khác của các đơn vị thuộc đối tượng tham gia Đề án; kinh phí tài trợ từ các nước và tổ chức quốc tế.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 4**

### **KẾT LUẬN**

Nông nghiệp luôn là ngành chủ đạo trong việc phát triển kinh tế - xã hội của toàn Tỉnh SêKong. Vì vậy trong những năm qua, sự quan tâm hỗ trợ của chính quyền địa phương và sự phấn đấu vươn lên của các hộ nông dân, cơ sở sản xuất nông nghiệp và các doanh nghiệp đã giúp cho nền nông nghiệp của Tỉnh bước đầu đạt những kết quả đáng khích lệ, góp phần đảm bảo an ninh lương thực, hình thành nền nông nghiệp theo xu hướng sản xuất hàng hóa, chuyên dịch cơ cấu cây trồng con vật nuôi từng bước mang lại hiệu quả, tăng thu nhập cho người nông dân, góp phần tích cực vào công cuộc xóa đói giảm nghèo, ổn định chính trị - xã hội và bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, những kết quả mà Tỉnh đã đạt được vẫn còn khá khiêm tốn, công tác thâm canh trong nông nghiệp còn gặp nhiều khó khăn do điều kiện về sơ sở vật chất, khoa học kỹ thuật và sự chuyên dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp còn chậm. Do vậy, để nền nông nghiệp Tỉnh SêKong có thể phát triển tốt hơn trong thời gian tới cần có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị từ cấp trung ương đến địa phương nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp, nâng cao đời sống người dân.